

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
Bản án số: 122/ 2018/HSST
Ngày: 20/ 6/ 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ-TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Huấn
2. Bà Nguyễn Thị Phương Nga

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà: Phạm Thị Linh
Thư ký TAND TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND TP. Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Đào Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 20/ 6/ 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm C3 khai vụ án hình sự thụ lý số 221/ 2018/HSST ngày 24/ 5/ 2018 đối với bị cáo:

Tô Văn N - Sinh 1989; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tô Văn T và bà Lê Thị K; có vợ là Tô Thị L và có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 01/ 6/ 2016 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/3/2017); Tạm giữ từ ngày 14/3/2018 chuyển tạm giam từ ngày 20/3/2018 đến nay tại trại tạm giam C3 an tỉnh Thanh Hóa - Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

1. Ông Chu Đình C - 1968 – Vắng mặt tại phiên tòa
Địa chỉ: đường L, P. L, thành phố T.

2. Ông Nguyễn Văn C2 – sinh 1955 - Vắng mặt tại phiên tòa
Địa chỉ: đường L, P. L, thành phố T.

3. Anh Trần Hữu C3 – sinh 1986 – Vắng mặt tại phiên tòa
Địa chỉ: đường D, P. Đ, thành phố T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Việt H – Sinh 1968 – Vắng mặt tại phiên tòa

Địa chỉ: đường L, P. Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong Khoảng Thời gian từ ngày 02/3/2018 đến ngày 07/3/2018 Tô Văn N đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 11h ngày 02 tháng 3 năm 2018, Tô Văn N đi bộ quanh khu vực chợ V thuộc phường L, thành phố T, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước nhà ông Nguyễn Văn C2, Nam phát hiện thấy trước cửa nhà ông C2 có dựng một chiếc xe máy hiệu Dalim Hadosiva màu nâu, BKS: 36 F4 – 0908 không có người trông coi, chìa khóa vẫn cắm trên xe. Nam tiến lại gần ngồi lên xe và nổ máy phóng đi đến cửa hàng mua bán xe máy cũ ở đường L, P. Đ, thành phố T bán cho ông Vũ Việt H lấy 1.000.000đ, số tiền này Nam sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Tài sản hiện không thu hồi được, nên ông C2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản trộm cắp.

Vụ thứ hai: Vào trưa ngày 05/3/2018 Tô Văn N đi bộ xung quanh khu vực chợ Đ thuộc phường Đ, phát hiện thấy trước cửa nhà anh Trần Hữu C3 có dựng 01 chiếc xe Sirius màu ghi xanh BKS: 36 M4 – 4651 chìa khóa vẫn cắm trên xe, không có người trông coi. N lại gần ngồi lên xe và nổ máy phóng đi. Sau khi trộm cắp được chiếc xe máy trên, N đã bán cho một nam thanh niên (không biết tên tuổi, địa chỉ) tại khu vực trường T lấy 1.600.000đ, số tiền này N sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Tài sản hiện không thu hồi được, nên anh C3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản trộm cắp.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 10h 30 phút, ngày 07/3/2018 Tô Văn N đi bộ quanh khu vực chợ V phường L, thành phố T, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà ông Chu Đình C thấy trước cửa nhà ông C dựng một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen BKS: 36B4 – 76207, không có người trông coi, chìa khóa xe để trên mặt tủ giày ngay sát cửa ra vào, nên N lên vào trong nhà lấy chìa khóa rồi quay ra nổ máy phóng xe đi đến khu vực cầu B thuộc phường Đ, thành phố T bán chiếc xe trên cho anh Phạm Văn T lấy 5.000.000đ, Nam sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 16/4/2018, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị trộm cắp cho ông Chu Đình C, Ông C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Ngày 16/3/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá tài sản N trộm cắp như sau:

- 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu đỏ đen BKS: 36B4 – 76207 trị giá 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

- 01 chiếc xe máy Dalim Hadosiva màu nâu, BKS: 36 F4 – 0908 trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

- 01 chiếc xe máy Sirius BKS: 36 M4 – 4651 trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Ngày 14/3/2018 Tô Văn N đến cơ quan C3 an tự thú hành vi phạm tội.

Tại cơ quan điều tra Tô Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này anh Phạm Văn T là người mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen BKS: 36B4 – 76207 và ông Vũ Việt H là người mua lại chiếc xe máy Dalim Hadosiva màu nâu, BKS: 36 F4 – 0908 của Tô Văn N. Nhưng anh T và ông H không biết tài sản này do N trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý. Ông H và anh T không yêu cầu bị cáo Tô Văn N phải bồi thường khoảng tiền mà anh T và ông H đã trả cho bị cáo khi mua xe.

Sau khi mua xe của Tô Văn N, ông H đã bán lại cho người không quen biết lấy 1.600.000đ. Số tiền 600.000đ tiền chênh lệch ông H đã nộp cho cơ quan điều tra chờ xử lý.

- **Về vật chứng:** 01 BKS: 36 F4 – 0908 và 600.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi Hành Án dân sự theo biên bản giao nhận vật chứng số 136/THA ngày 11/ 6/ 2018 giữa C3 an với Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Tại bản cáo trạng số 138/ CT – VKS - KT ngày 23/ 5/ 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Tô Văn N về tội “ Trộm cắp tài sản ” theo qui định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND TP.Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX :

- Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1,2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS. Điều 106 của BLTTHS.

- Xử phạt bị cáo mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại và tịch thu sung quỹ 600.000đ tiền do ông Vũ Việt H nộp.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận .

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ ngày 02/3/2018 đến ngày 07/3/2018 bị cáo đã 03 lần lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp xe máy gồm: Xe Honda Airblade màu đỏ đen BKS: 36B4 – 76207; Dalim Hadosiva màu nâu, BKS: 36 F4 – 0908 và xe Sirius BKS: 36 M4 – 4651 trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 52.000.000đ.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 của BLHS. Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:*

Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác giữa ban ngày. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, gây mất trật tự trị an trong xã hội và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Căn cứ vào nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là rất cần thiết.

Trong vụ án này bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích của bản án năm 2016 là thuộc trường hợp “ Tái phạm” và do bị cáo phạm tội nhiều lần, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Tuy nhiên quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo và đầu thú toàn bộ hành vi phạm tội. Nên khi xem xét hình phạt cũng cần áp dụng Điểm s Khoản 1,2 Điều 51 của BLHS giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:*

- Anh Chu Đình C đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phân dân sự, Nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo với anh Chu Đình C đã được giải quyết xong.

- Ông Nguyễn Văn C2 và anh Trần Hữu C3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Xét yêu cầu của Ông C2 và anh C3 là hoàn toàn chính đáng. Do có căn cứ Khoản 1 Điều 48 của BLHS và Điều 584; 589 của BLDS. Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt theo định giá cho Ông Nguyễn Văn C2 và anh Trần Hữu C3 .

Việc anh Phạm Văn T và ông Vũ Việt H không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền anh T và ông H đưa cho bị cáo khi mua xe là hoàn toàn tự nguyện, nên chấp nhận.

[5] Về vật chứng:

- Đối với BKS: 36 F4 – 0908 là của anh Nguyễn Văn C2 do bị cáo trộm cắp, nên áp dụng Khoản 3 Điều 106 của BLTTHS trả lại cho anh C2.

- Đối với số tiền 600.000đ là tiền chênh lệch, do ông Vũ Việt H mua xe bị cáo trộm cắp, sau đó bán đi được số tiền 600.000đ tiền chênh lệch. Do đó cần áp dụng Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và DSST theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 của NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điểm s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 và Khoản 1 Điều 48 của BLHS.

Điều 584; 589 của BLDS.

Khoản 1, 2,3 Điều 106, Khoản 2 Điều 136 của BHTTHS và Điều 23 của NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Tô Văn N 40 (Bốn mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2018.

Về trách nhiệm dân sự:

- C3 nhận phần dân sự giữa bị cáo với Ông Chu Đình C đã được giải quyết xong.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho Ông Nguyễn Văn C2 giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Hữu C3 giá trị tài sản chiếm đoạt là 8. 000.000đ (Tám triệu đồng).

Về vật chứng:

-Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 600.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn C2 01 BKS: 36 F4 – 0908.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 136/THA ngày 11/6/2018 giữa C3 an với Thi Hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 600.000đ án phí DSST.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 7, 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Công an TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Hương